

BẢN CHI TIẾT SẢN PHẨM

Sikafloor®-263 SL

HỆ THỐNG PHỦ HOÀN THIỆN CHO SÀN NHÁM VÀ SÀN TỰ SAN PHẪNG EPOXY

MÔ TẢ

Sikafloor®-263 SL là vật liệu phủ đa năng, hai thành phần gốc epoxy, hiệu quả kinh tế.

ỨNG DỤNG

Sikafloor®-263 SL nên được thi công bởi những nhà thầu chuyên nghiệp.

- Hệ thống phủ sàn tự san phẳng cho sàn bê tông và vữa cán nền chịu tải trọng từ thấp đến cao như kho bãi, hội trường, nhà xưởng, khu vực sửa chữa, bảo dưỡng, gara, ram dốc,...
- Hệ thống sàn nhám cho những nơi ẩm ướt như nhà xưởng chế biến nước uống các loại, công nghiệp thực phẩm, xưởng bảo dưỡng máy bay...

ĐẶC TÍNH/ ƯU ĐIỂM

- Khả năng tự san phủ cao
- Kháng hóa chất và va đập tốt
- Dễ thi công
- Hiệu quả kinh tế
- Không cho các chất lỏng thấm xuyên qua
- Không dung môi
- Bề mặt hoàn thiện bóng láng
- Có khả năng kháng trơn trượt

THÔNG TIN SẢN PHẨM

Gốc hoá học	Epoxy	
Đóng gói	Thành phần A	7.9kg/can
	Thành phần B	2.1kg/can
	Thành phần A+B	Bộ 10 kg
	Thành phần A	15.8kg/can
	Thành phần B	4.2kg/can
	Thành phần A+B	Bộ 20 kg
Ngoại quan / Màu sắc	Thành phần A	Nhựa: dạng lỏng, có màu
	Thành phần B	Chất làm cứng: dạng lỏng, không màu
	5 màu chuẩn: Ral 6010, Ral 6029, Ral 7032, Ral 7035, Ral 7040. Màu đặc biệt tùy theo số lượng đặt hàng tối thiểu. Dưới ánh sáng mặt trời trực tiếp, màu sắc có thể thay đổi hoặc bị phai màu nhưng không ảnh hưởng đến công dụng và khả năng làm việc của lớp phủ.	
Hạn sử dụng	12 tháng kể từ ngày sản xuất	
Điều kiện lưu trữ	Lưu trữ trong điều kiện bao bì còn nguyên vẹn, chưa mở nắp, và ở nhiệt độ từ 18 °C–30 °C.	

Tỷ trọng	Thành phần A	~ 1.5 kg/l	(DIN EN ISO 2811-1)
	Thành phần B	~ 1.0 kg/l	
	Hỗn hợp nhựa	~ 1.43 kg/l	
	Hỗn hợp có chất độn	~ 1.84 kg/l	

Tất cả các giá trị tỉ trọng đo ở nhiệt độ 23 °C.

Hàm lượng chất rắn theo khối lượng ~ 100%

Hàm lượng chất rắn theo thể tích ~ 100%

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Độ cứng Shore D 76 (7 ngày ở 23 °C) (DIN53 505)

Kháng mài mòn 70 mg (CS10/1000/1000) (8 ngày ở 23 °C) (DIN53-109)

Cường độ nén Nhựa: ~60 N/mm² (28 ngày ở 23 °C) (EN196-1)

Cường độ bám dính > 1.5 N/mm² (phá hủy trên bề mặt bê tông) (ISO4624)

KHÁNG HOÁ CHẤT Kháng nhiều loại hóa chất, tham khảo bản chi tiết kháng hóa chất.

Khả năng kháng nhiệt

Thời gian

Nhiệt khô

Lâu dài

50 °C

7 ngày

80 °C

12 giờ

100 °C

Tiếp xúc nhiệt ẩm trong thời gian ngắn có thể chịu được nhiệt độ lên đến 80 °C.

Không tiếp xúc đồng thời hóa học và cơ học.

THÔNG TIN HỆ THỐNG

Các hệ thống

Hệ thống tự san phẳng 1 mm

Lớp kết nối

1x Sikafloor®-161 HC

Lớp phủ

Sikafloor®-263 SL + Silicaflour

Hệ thống tự san phẳng 1.5–3.0 mm

Lớp kết nối

1 x Sikafloor®-161 HC

Lớp phủ

Sikafloor®-263 SL + Quartz sand
(0.1–0.3mm)

Hệ thống nhám 4 mm

Lớp kết nối

Sikafloor®-161 HC

Lớp thứ nhất

Sikafloor®-263 SL + Quartz sand
(0.1–0.3 mm)

Lớp tạo nhám

Quartz sand (0.4–0.7 mm)

Lớp phủ hoàn thiện

Sikafloor®-264 HC

THÔNG TIN THI CÔNG

Tỷ lệ trộn

Thành phần A : thành phần B = 79 : 21

Định mức	Hệ thống phủ	Sản phẩm	Định mức
Lớp kết nối	Tự san phẳng 1 mm	Sikafloor®-161 HC Vữa làm phẳng Sikafloor®-161 HC Sikafloor®-263 SL + SilicafLOUR	0.3–0.55kg/m ² Tham khảo tài liệu kỹ thuật Sikafloor®-161 HC 1.2 kg/m ² /mm binder + 0.25 kg/m ² /mm silicafLOUR
Lớp phủ tự san phẳng 1.5–3.0 mm	Hệ thống nhám 4 mm	Sikafloor®-263 SL + QS (0.1–0.3mm) Sikafloor®-263 SL + QS (0.1–0.3mm)=1:1 QS 0.4–0.7mm Lớp phủ Sikafloor®-264 HC	(0.95 + 0.95 kg)/m ² 2.0 kg/m ² 2.0 kg/m ² ~ 6.0 kg/m ² ~ 0.7 kg/m ²

Lưu ý: định mức nêu trên là lý thuyết và không bao gồm vật liệu thêm vào do độ phẳng của bề mặt, độ gồ gề, sự hao hụt trong quá trình thi công...

Nhiệt độ môi trường	+10 °C–30 °C								
Độ ẩm không khí tương đối	Cao nhất là 80%								
Điểm sương	Thận trọng với điểm sương! Nhiệt độ bề mặt phải cao hơn điểm sương 3 °C để tránh rủi ro sự ngưng tụ hay phồng dộp của bề mặt hoàn thiện.								
Nhiệt độ bề mặt	+10 °C–30 °C								
Độ ẩm bề mặt	< 4% (Thử bằng dụng cụ đo của Sika Tramex hoặc phương pháp sấy) Độ ẩm không tăng theo ASTM (tấm polyethylene)								
Thời gian thi công	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Nhiệt độ</th> <th>Thời gian</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>10 °C</td> <td>~ 50 phút</td> </tr> <tr> <td>20 °C</td> <td>~ 25 phút</td> </tr> <tr> <td>30 °C</td> <td>~ 15 phút</td> </tr> </tbody> </table>	Nhiệt độ	Thời gian	10 °C	~ 50 phút	20 °C	~ 25 phút	30 °C	~ 15 phút
Nhiệt độ	Thời gian								
10 °C	~ 50 phút								
20 °C	~ 25 phút								
30 °C	~ 15 phút								

Thời gian chờ

Trước khi thi công Sikafloor®-263 SL trên Sikafloor®-161 HC như sau

Nhiệt độ sàn	Thời gian tối thiểu	Thời gian tối đa
10 °C	24 giờ	3 ngày
20 °C	12 giờ	2 ngày
30 °C	8 giờ	1 ngày

Trước khi thi công Sikafloor®-263 SL trên Sikafloor®-263 SL như sau

Nhiệt độ sàn	Thời gian tối thiểu	Thời gian tối đa
10 °C	30 giờ	3 ngày
20 °C	24 giờ	2 ngày
30 °C	16 giờ	1 ngày

Thời gian trên chỉ mang tính tương đối và có thể thay đổi phụ thuộc vào nhiệt độ và độ ẩm môi trường.

Thời gian bảo dưỡng		Thời gian chờ sau khi thi công		
Nhiệt độ	Có thể đi bộ được	Chịu tác động cơ học nhẹ	Đưa vào sử dụng hoàn toàn	
+10 °C	~ 72 giờ	~ 6 ngày	~ 10 ngày	
+20 °C	~ 24 giờ	~ 4 ngày	~ 7 ngày	
+30 °C	~ 18 giờ	~ 2 ngày	~ 5 ngày	

Thời gian mang tính tương đối và phụ thuộc vào điều kiện môi trường.

HƯỚNG DẪN THI CÔNG

CHẤT LƯỢNG BỀ MẶT / XỬ LÝ SƠ BỘ

Bề mặt bê tông phải đặc chắc và cường độ tối thiểu phải là 25 N/mm² với lực bám dính là 1.5 N/mm². Bề mặt phải sạch, khô ráo, không dính dầu mỡ, các vết bẩn và lớp phủ cũ phải được làm sạch. Nên làm thử một diện tích nhỏ để kiểm tra trước khi thi công!
Bề mặt bê tông cần phải được làm nhám bằng máy làm nhám hoặc dụng cụ tương tự để làm sạch bề mặt. Mẫu bê tông lỏng lẻo cần phải loại bỏ, các lỗ rỗng bề mặt phải được trám trét kỹ.
Có thể dùng Sikafloor®, Sikadur® hoặc Sikagard® để sửa chữa bề mặt bê tông.
Bề mặt bê tông hay vữa xi măng phải đạt được độ bằng phẳng.
Các điểm cộm lên phải được mài bằng.
Tất cả bụi bặm phải được làm sạch ngay trước khi thi công sản phẩm.

TRỘN

Trước khi trộn, khuấy đều thành phần A. Khi cho hết thành phần B vào thành phần A tiếp tục trộn trong 2 phút cho đến khi đều màu.
Sau khi thành phần A và B đã được trộn đều thêm cát thạch anh 0.1–0.3 mm hoặc chất độn Sikafloor® và tiếp tục trộn trong 2 phút cho thật đều.
Để đạt được hỗn hợp đều thì nên cho vào một thùng khác để trộn.
Nếu trộn lâu nên hạn chế bọt khí cuốn vào trong quá trình trộn.

Dụng cụ trộn

Sikafloor®-263 SL được trộn bằng cần trộn tốc độ thấp (300 – 400 vòng/phút) hoặc dụng cụ trộn chuyên dùng.

THI CÔNG

Trước khi thi công phải chắc chắn rằng độ ẩm bề mặt và điểm sương phải đạt yêu cầu.
Nếu độ ẩm lớn hơn 4% có thể dùng Sikafloor® Epo cem® như là hệ thống ngăn ẩm.

Làm phẳng bề mặt:

Trước hết bề mặt sàn phải phẳng, nên dùng vữa Sikafloor®-161 HC để làm phẳng sàn (tham khảo tài liệu kỹ thuật Sikafloor®-161 HC)

Lớp phủ tự san phẳng:

Sikafloor®-263 SL là sản phẩm dạng chảy lỏng hơi sệt, trải rộng bằng bay răng cưa. Sau khi trải rộng trên bề mặt sàn, nếu dùng bay răng cưa thi công bề mặt hoàn thiện sẽ đẹp và phẳng hơn.

Dùng rulo gai lăn ngay lập tức theo hai hướng vuông góc với nhau để đảm bảo độ dày được đều.

Hệ thống nhám:

Sikafloor®-263 SL là sản phẩm dạng chảy lỏng hơi sệt, trải rộng bằng bay răng cưa.
Sau đó làm phẳng và dùng rulo gai lăn đều khoảng 15 phút (ở 20 °C) để lấy hết bọt khí ra nhưng không được quá 30 phút (ở 20 °C).
Rắc cát lên, lúc đầu rắc nhẹ đều, sau đó rắc thêm đúng định mức.

VỆ SINH DỤNG CỤ

Rửa dụng cụ và thiết bị ngay lập tức bằng Thinner C. Khi sản phẩm đã đóng rắn thì phải dùng biện pháp cơ học để vệ sinh.

SỰ BẢO DƯỠNG

Để giữ gìn bề mặt sàn sau khi thi công, các mẫu Sikafloor®-263 SL bị rơi vãi phải được lau sạch ngay lập tức và phải dùng máy đánh bóng mềm để làm sạch cơ học, làm sạch bằng phương pháp ướ t, phương pháp chà mạnh, vệ sinh bằng kỹ thuật rửa chân không, sử dụng chất tẩy rửa thích hợp và sáp ong.

THÔNG TIN CƠ BẢN CỦA SẢN PHẨM

Tất cả thông số kỹ thuật trong tài liệu này điều dựa trên kết quả ở phòng thí nghiệm. Các dữ liệu đo thực tế có thể khác tùy theo trường hợp cụ thể.

GIỚI HẠN ĐỊA PHƯƠNG

Lưu ý rằng tùy theo kết quả yêu cầu từng địa phương riêng biệt mà tính năng sản phẩm có thể thay đổi từ nước này sang nước khác. Vui lòng xem tài liệu kỹ thuật sản phẩm địa phương để biết mô tả chính xác về khu vực thi công.

SINH THÁI HỌC, SỨC KHOẺ VÀ AN TOÀN

Để biết thông tin và được tư vấn về an toàn sử dụng, lưu trữ và thải bỏ sản phẩm thuộc nhóm hóa chất, người sử dụng nên tham khảo Tài Liệu An Toàn Sản Phẩm mới nhất về lý tính, sinh thái, tính độc hại và tài liệu an toàn liên quan khác.

LƯU Ý PHÁP LÝ

Các thông tin, và đặc biệt, những hướng dẫn liên quan đến việc thi công và sử dụng cuối cùng của các sản phẩm Sika, được cung cấp với thiện chí của chúng tôi dựa trên kiến thức và kinh nghiệm hiện tại của Sika về sản phẩm trong điều kiện được lưu trữ đúng cách, sử dụng và thi công trong điều kiện bình thường theo hướng dẫn của Sika. Trong ứng dụng thực tế, chúng tôi không bảo đảm sản phẩm sẽ phù hợp với một mục đích cụ thể nào đó nếu có sự khác biệt về vật tư, cốt liệu và điều kiện thực tế của công trường, cũng như không có một ràng buộc pháp lý nào đối với chúng tôi ngụ ý từ các thông tin này hoặc từ một hướng dẫn bằng văn bản, hay từ bất cứ một sự tư vấn nào. Người sử dụng sản phẩm này phải thí nghiệm xem sản phẩm có phù hợp với mục đích thi công họ mong muốn không. Sika có quyền thay đổi đặc tính của sản phẩm mình. Quyền sở hữu của bên thứ ba phải được chú ý. Mọi đơn đặt hàng chỉ được chấp nhận dựa trên Bảng Điều Kiện Bán Hàng hiện hành của chúng tôi. Người sử dụng phải luôn tham khảo Tài Liệu Kỹ Thuật mới nhất của sản phẩm. Chúng tôi sẽ cung cấp các tài liệu này theo yêu cầu.

Công ty Sika Hữu Hạn Việt Nam
Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch 1
Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai, Việt Nam
Tel: (84-251) 3560 700
Fax: (84-251) 3560 699
sikavietnam@vn.sika.com
vnm.sika.com



Bản chi tiết sản phẩm
Sikafloor®-263 SL
Tháng Mười Một 2017, Hiệu đính lần 07.01
020811020020000054

Sikafloor-263SL-vi-VN-(11-2017)-7-1.pdf

